TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2025/DS -ST
Ngày 25 - 6 - 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng T1 dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng T1 dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970; Địa chỉ: lầu 6, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận 3, Thành phố H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 10 năm 2024).

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 78/15C HV tổ 3, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông M và ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lã Ngọc M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/01/2022, ông Phan Thanh H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ T1 dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ T1 dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ T1 dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Phan Thanh H, Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ T1 dụng (gồm thẻ VS payWave Cre Platinum Cashback 3265318620, thẻ SacombankPay 3643482056) với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ T1 dụng, ông Phan Thanh H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán số tiền 8.150.313đ (tám triệu, một trăm năm mươi nghìn, ba trăm mười ba đồng) đến ngày 25/8/2022 ông Phan Thanh H thanh toán nữa, Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Phan Thanh H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Phan Thanh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ T1 dụng của Ngân hàng), ngày 26/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ T1 dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện Kiệt hành sử dụng Thẻ T1 dụng của Ngân hàng).

T1h đền ngày 25/6/2025 ông Phan Thanh H còn nợ Ngân hàng dư nợ gốc là 9.071.287đ (chín triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng) và T1h lãi quá hạn 6.496.695đ (sáu triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng). Tổng cộng là 15.567.982đ (mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 khởi kiện kính đề nghị Quý Tòa giải quyết: Buộc ông Phan Thanh H pH trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm T1h đến ngày 25/06/2025 là 15.567.982đ (mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc là 9.071.287đ (chín triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 6.496.695đ (sáu triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng). Ông Phan Thanh H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Bị đơn ông Phan Thanh H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.

3. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

1.1. Bị đơn ông Phan Thanh H có địa chỉ tại 78/15C HV tổ 3, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lã Ngọc M đã có đơn xin xét xử vắng; bị đơn ông Phan Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh H thanh toán số tiền nợ và lãi chậm trả theo hợp đồng T1 dụng đã ký nên xác định đây vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng T1 dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự..

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Thanh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng M, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 đã cung cấp và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ T1 dụng kiêm hợp đồng T1 dụng

26/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 và ông Phan Thanh H thể hiện: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 đồng ý cấp thẻ T1 dụng cho ông Phan Thanh H với hạn mức 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); mục đích vay tiêu dùng cá nhân; lãi suất tại thời điểm làm thẻ 1,38%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ theo quy định của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ ông Phan Thanh H đã thực hiện giao dịch với số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng).

3.3. Hợp đồng T1 dụng được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Phan Thanh H đã trả thanh toán định kỳ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 được 8.150.313đ (tám triệu, một trăm năm mươi ngìn, ba trăm mười ba đồng). Do ông Phan Thanh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 26/8/2022 nên khoản vay của ông Phan Thanh H đã chuyển sang nợ quá hạn. T1h đến hết ngày 25/6/2025 ông Phan Thanh H còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 tổng số tiền là: 15.567.982đ (mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc là 9.071.287đ (chín triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 6.496.695đ (sáu triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng).

3.4. Ông Phan Thanh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 khởi kiện để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng T1 dụng và đúng quy định của Luật các Tổ chức T1 dụng. Việc xác định nợ gốc còn lại, cách T1h lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng T1 dung và phù hợp phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức T1 dụng năm 2010; Điều 7, 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

3.5. Từ những căn cứ đã phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 là có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 với ông Phan Thanh H về tranh chấp hợp đồng T1 dụng.

Buộc ông Phan Thanh H pH thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 tổng số tiền 15.567.982đ (mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc là 9.071.287đ (chín triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 6.496.695đ (sáu triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng).

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 được chấp nhận nên ông Phan Thanh H pH chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 778.399đ (bảy trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức T1 dụng năm 2010; Điều 210 của Luật Các tổ chức T1 dụng năm 2024.

- Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 với ông Phan Thanh H về tranh chấp hợp đồng T1 dụng.

Buộc ông Phan Thanh H pH có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 tổng số tiền 15.567.982đ (mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng). Trong đó: nợ gốc là 9.071.287đ (chín triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 6.496.695đ (sáu triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi

lăm đồng).

Kể từ ngày 26/6/2025 ông Phan Thanh H tiếp tục thanh toán tiền lãi theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng T1 dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Thanh H pH chịu số tiền 778.399đ (bảy trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T1 số tiền tạm ứng án phí 344.162đ (ba trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0005531 ngày 14/01/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại